

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy.
2. Bà Trần Ánh Nhạn.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 876/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: ấp Lộc Kh, xã GL, huyện TB, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh V, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

Chị N và anh V đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018 nguyên đơn, chị Lê Thị Bích N trình bày:

Chị và anh Lê Thanh V chung sống như vợ chồng từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới nhưng có tổ chức lễ ra mắt giữa hai gia đình. Qua thời gian chị và anh V sống như vợ chồng cùng nhau đến đầu năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường cãi vã lẫn nhau về chuyện tiền bạc, với đồng lương làm Công nhân ít ỏi chị phải chi tiêu mọi mặt sinh hoạt trong gia đình và anh V kêu chị phải đóng bảo hiểm nhân thọ cho cha anh V mỗi năm là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) nếu đến tháng chị không đưa tiền để đóng bảo hiểm là anh V chửi mắng, đánh đập chị và đuổi

chị ra khỏi nhà, chị cố gắng nhẫn nhịn được hai năm, nay chị không chịu đựng nổi nữa nên đến tháng 8/2018 sau khi bị anh V đánh, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của mình sinh sống từ đó đến nay vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai và anh V cũng không kêu chị về để đoàn tụ. Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh V.

Về con chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2019 bị đơn anh Lê Thanh V trình bày:

Anh thống nhất như trình bày của chị Lê Thị Bích N, anh và chị N chung sống như vợ chồng từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân anh và chị N mâu thuẫn là về vấn đề tiền bạc, vợ chồng có giận nhau, chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 8/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N yêu cầu xin ly hôn cùng anh, anh đồng ý ly hôn cùng chị N và anh cũng yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N vì anh chị không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Bích N và bị đơn anh Lê Thanh V đều có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] *Về hôn nhân*: Chị N và anh V cả hai tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không ai ép buộc. Mặc dù anh chị có đủ điều kiện để kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bích N và anh Lê Thanh V.

[2] *Về con chung*: Không có, không đặt ra giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Lê Thị Bích N và anh Lê Thanh V là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị N đã nộp xong tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008484 ngày 14/12/2018 của Cục thi hành án dân sự huyện GD.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện GD;
- THADS huyện GD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Lê